

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 25



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Phương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quyền	Thành viên
Ông Hoàng Đức Chính	Thành viên
Ông Lê Anh Nam	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Hoàng Đức Chính	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thường	Phó Giám đốc
Ông Trần Đức Thịnh	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Hồ	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2014)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Hoàng Đức Chính**  
Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2015, từ trang 03 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0395-2013-001-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>142.924.311.355</b>	<b>120.973.553.876</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>117.909.373.563</b>	<b>57.427.131.239</b>
1. Tiền	111		57.909.373.563	26.402.531.239
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	31.024.600.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.901.443.072</b>	<b>47.931.343.219</b>
1. Phải thu khách hàng	131		5.574.378.621	41.302.605.244
2. Trả trước cho người bán	132		1.914.438.124	1.754.933.346
3. Các khoản phải thu khác	135	6	4.526.324.040	7.097.217.033
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.113.697.713)	(2.223.412.404)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>5.293.994.617</b>	<b>4.011.486.159</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.293.994.617	4.011.486.159
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.819.500.103</b>	<b>11.603.593.259</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		297.669.209	337.884.182
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.282.309.843	8.626.238.238
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		9.169.275	9.169.275
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.230.351.776	2.630.301.564
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)</b>	<b>200</b>		<b>362.355.723.908</b>	<b>386.161.522.427</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>343.651.130.526</b>	<b>365.062.163.875</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	341.408.676.727	362.754.557.396
- Nguyên giá	222		521.836.676.744	521.836.676.744
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(180.428.000.017)	(159.082.119.348)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	2.242.453.799	2.307.606.479
- Nguyên giá	228		2.518.000.000	2.518.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(275.546.201)	(210.393.521)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.704.593.382</b>	<b>21.099.358.552</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	18.349.021.382	20.743.786.552
2. Tài sản dài hạn khác	268		355.572.000	355.572.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>505.280.035.263</b>	<b>507.135.076.303</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

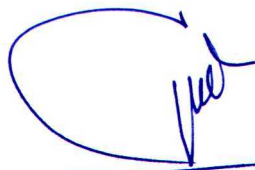
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>376.548.063.891</b>	<b>429.650.189.057</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>100.986.588.891</b>	<b>114.666.645.307</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	43.829.000.000	42.170.000.000
2. Phải trả người bán	312		19.048.545.436	34.239.853.845
3. Người mua trả tiền trước	313		9.101.933.581	10.663.765.749
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	59.221.106	9.455.411
5. Phải trả người lao động	315		7.976.232.180	7.411.996.957
6. Chi phí phải trả	316	12	6.186.121.356	6.323.116.775
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	14.170.874.660	13.845.740.678
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		614.660.572	2.715.892
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>275.561.475.000</b>	<b>314.983.543.750</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	275.561.475.000	314.983.543.750
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>128.731.971.372</b>	<b>77.484.887.246</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>128.731.971.372</b>	<b>77.484.887.246</b>
1. Vốn cổ phần	411		200.000.000.000	170.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		500.000.000	500.000.000
3. Lỗ lũy kế	420		(71.768.028.628)	(93.015.112.754)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>505.280.035.263</b>	<b>507.135.076.303</b>
<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
Ngoại tệ các loại: Đô la Mỹ ("USD")			1.965.232	1.441.869


Tăng Kim Thụy Vi  
Người lập biểu

Phan Phong Phúc  
Kế toán trưởngHoàng Đức Chính  
Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

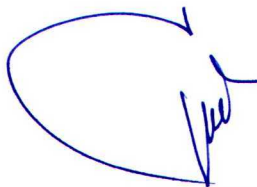
**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2014	2013
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		698.922.404.966	625.172.438.757
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	17	698.922.404.966	625.172.438.757
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	651.970.905.755	582.670.133.896
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		46.951.499.211	42.502.304.861
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2.332.773.201	1.812.671.963
6. Chi phí tài chính	22	21	13.422.919.001	15.921.348.900
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.145.428.210</i>	<i>11.170.948.712</i>
7. Chi phí bán hàng	24		-	46.771.818
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.043.356.221	18.376.822.343
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		17.817.997.190	9.970.033.763
10. Thu nhập khác	31	22	4.857.637.225	4.892.493.749
11. Chi phí khác	32	23	422.676.868	1.625.059.089
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.434.960.357	3.267.434.660
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		22.252.957.547	13.237.468.423
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		22.252.957.547	13.237.468.423
<b>16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>25</b>	<b>1.227</b>	<b>850</b>



Tăng Kim Thụy Vi  
 Người lập biểu



Phan Phong Phúc  
 Kế toán trưởng



Hoàng Đức Chính  
 Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**MÃ SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>22.252.957.547</b>	<b>13.237.468.423</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	21.411.033.349	21.438.903.048
Các khoản dự phòng	03	(109.714.691)	(1.180.476.629)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	4.076.673.435	4.645.963.197
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.634.199.164)	(1.353.209.337)
Chi phí lãi vay	06	9.145.428.210	11.170.948.712
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>55.142.178.686</b>	<b>47.959.597.414</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	39.936.507.681	(21.466.949.598)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.282.508.458)	1.128.253.256
Thay đổi các khoản phải trả	11	(15.778.055.956)	11.118.629.248
Thay đổi chi phí trả trước	12	14.193.609.965	18.781.463.251
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.533.043.540)	(17.317.919.711)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	311.309.458	572.746.126
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(249.928.741)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>82.740.069.095</b>	<b>40.775.819.986</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(11.758.629.822)	(10.270.462.369)
2. Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	1.174.782.498	1.189.314.531
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10.583.847.324)</b>	<b>(9.081.147.838)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Nhận vốn góp của cổ đông	31	30.000.000.000	30.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(42.170.000.000)	(43.296.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(12.170.000.000)</b>	<b>(13.296.800.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>59.986.221.771</b>	<b>18.397.872.148</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>57.427.131.239</b>	<b>38.542.217.134</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	496.020.553	487.041.957
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>117.909.373.563</b>	<b>57.427.131.239</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 3.606.760.460 đồng (2013: 3.971.770.275 đồng), là số tiền lãi vay phải trả phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

  
Tăng Kim Thụy Vi  
Người lập biểu

  
Phan Phong Phúc  
Kế toán trưởng



  
Hoàng Đức Chính  
Giám đốc  
Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 134 người (31 tháng 12 năm 2013: 134 người).

Công ty có 1 chi nhánh tại Hải Phòng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0213005424 ngày 15 tháng 6 năm 2009, địa chỉ: khách sạn Dầu khí, số 427 Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

#### Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa; Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng; Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển; Bán buôn thực phẩm, đồ uống không có cồn, máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất: công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến và kinh doanh xăng dầu, nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan (trừ gas), xi măng, clanhke, phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp - công nghiệp chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Vận tải hàng hóa bằng xe bồn chở chất lỏng; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển; Tư vấn quản lý, kỹ thuật; Cung ứng và quản lý lao động trong nước.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	08 - 25
Thiết bị văn phòng	03 - 05

#### **Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

#### **Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vật tư xuất dùng cho tàu, chi phí sửa chữa tàu định kỳ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một năm rưỡi đến năm năm.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	413.399.032	553.948.804
Tiền gửi ngân hàng	57.495.974.531	25.848.582.435
Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	31.024.600.000
	<u><b>117.909.373.563</b></u>	<u><b>57.427.131.239</b></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam và ngân hàng Hong Leong Việt Nam, với lãi suất hàng năm được hưởng từ 4,5% đến 5,4% (31 tháng 12 năm 2013: 6,8%).

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cước vận chuyển xăng dầu chưa xuất hóa đơn	-	3.064.679.579
Phải thu khác (*)	4.526.324.040	4.032.537.454
	<u><b>4.526.324.040</b></u>	<u><b>7.097.217.033</b></u>

(\*) Phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu đại lý, lãi tiền gửi, cước vận tải và các khoản phải thu khác.

**7. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu tồn trên tàu tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014 và 31/12/2014	<u>545.454.545</u>	<u>521.082.765.985</u>	<u>208.456.214</u>	<u>521.836.676.744</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	163.636.366	158.750.313.161	168.169.821	159.082.119.348
Khấu hao trong năm	54.545.448	21.281.263.620	10.071.601	21.345.880.669
Tại ngày 31/12/2014	<u>218.181.814</u>	<u>180.031.576.781</u>	<u>178.241.422</u>	<u>180.428.000.017</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2014	<u><b>327.272.731</b></u>	<u><b>341.051.189.204</b></u>	<u><b>30.214.792</b></u>	<u><b>341.408.676.727</b></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><b>381.818.179</b></u>	<u><b>362.332.452.824</b></u>	<u><b>40.286.393</b></u>	<u><b>362.754.557.396</b></u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp các tàu Phương Đông Star, Venus, Jupiter với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 520.216.509.149 đồng và 340.725.430.892 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 520.216.509.149 đồng và 361.898.108.407 đồng) dùng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2013/HDTTC-PDV-PVB ngày 14 tháng 11 năm 2013.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 158.098.214 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 54.093.950 đồng).

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014 và 31/12/2014	<u>2.300.000.000</u>	<u>218.000.000</u>	<u>2.518.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	123.293.518	87.100.003	210.393.521
Khấu hao trong năm	<u>34.352.676</u>	<u>30.800.004</u>	<u>65.152.680</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>157.646.194</u>	<u>117.900.007</u>	<u>275.546.201</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>2.142.353.806</u></u>	<u><u>100.099.993</u></u>	<u><u>2.242.453.799</u></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>2.176.706.482</u></u>	<u><u>130.899.997</u></u>	<u><u>2.307.606.479</u></u>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí sửa chữa lớn tàu Jupiter	11.839.658.849	4.359.735.536
Chi phí sửa chữa lớn tàu Venus	4.204.230.669	8.461.299.470
Chi phí sửa chữa lớn tàu Phương Đông Star	2.305.131.864	7.592.489.768
Chi phí vật tư chính thay thế	-	330.261.778
	<u><u>18.349.021.382</u></u>	<u><u>20.743.786.552</u></u>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước thể hiện số thuế thu nhập cá nhân phải trả tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi vay phải trả	3.606.760.460	3.971.770.275
Chi phí phải trả khác (*)	<u>2.579.360.896</u>	<u>2.351.346.500</u>
	<u><u>6.186.121.356</u></u>	<u><u>6.323.116.775</u></u>

(\*) Chi phí phải trả khác bao gồm chi phí sửa chữa, hoa tiêu và cảng phí...

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	24.548.405	20.351.329
Bảo hiểm xã hội	344.237.125	251.505.395
Bảo hiểm thất nghiệp	4.545.779	-
Nhận ký quỹ của thuyền viên	2.851.201.633	2.091.643.600
Phải trả khác (*)	10.946.341.718	11.482.240.354
	<b><u>14.170.874.660</u></b>	<b><u>13.845.740.678</u></b>

(\*) Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả liên quan đến các dịch vụ tàu biển mà Công ty chi hộ cho khách hàng như chi phí cảng vụ, cảng phí, phí lai dắt tàu, phí nước ngọt...

**14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Khoản vay dài hạn thể hiện số tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn được giải ngân theo hai hợp đồng sau:

i) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2007/HĐTD-TCDK-22.16 ký ngày 14 tháng 12 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 13.770.000 USD để đầu tư mua tàu Phương Đông Star. Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Phương Đông Star theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2008/HĐTC-TCDK-22.16 ngày 26 tháng 02 năm 2008. Lãi suất vay được áp dụng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở SIBOR 6 tháng + 1,6%/năm.

ii) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 08/2009/HĐTD-CNSG.KD ngày 10 tháng 07 năm 2009 với hạn mức tín dụng là 13.600.000 USD để đầu tư mua tàu Jupiter và Venus. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Jupiter và Venus theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 09/2009/HĐBĐ-CNSG.KD ngày 10 tháng 07 năm 2009. Lãi suất vay được áp dụng bằng bình quân lãi suất tiết kiệm USD của cá nhân kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng là: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ 2,52%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	43.829.000.000	42.170.000.000
Trong năm thứ hai	64.140.000.000	43.224.250.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	163.263.025.000	170.788.500.000
Sau năm năm	48.158.450.000	100.970.793.750
	<b><u>319.390.475.000</u></b>	<b><u>357.153.543.750</u></b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(43.829.000.000)	(42.170.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	<b><u>275.561.475.000</u></b>	<b><u>314.983.543.750</u></b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	20.000.000	200.000.000.000	17.000.000	170.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>20.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>	<u>17.000.000</u>	<u>170.000.000.000</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

<b>Cổ phần</b>	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng		
+ Cổ phần phổ thông	20.000.000	17.000.000
- Số lượng cổ phần đang lưu hành		
+ Cổ phần phổ thông	<u>20.000.000</u>	<u>17.000.000</u>

Công ty đã phát hành 17.000.000 cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần và 3.000.000 cổ phần ưu đãi cố tức (cổ tức nhận gấp 1,5 lần so với cổ phần thường). Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần <u>VND</u>	Thặng dư vốn cổ phần <u>VND</u>	Lỗ lũy kế <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	140.000.000.000	500.000.000	(106.252.581.177)	34.247.418.823
Tăng trong năm	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	13.237.468.423	13.237.468.423
Tại ngày 31/12/2013	<u>170.000.000.000</u>	<u>500.000.000</u>	<u>(93.015.112.754)</u>	<u>77.484.887.246</u>
Tăng trong năm	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	22.252.957.547	22.252.957.547
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	(144.000.000)	(144.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(861.873.421)	(861.873.421)
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>200.000.000.000</u></u>	<u><u>500.000.000</u></u>	<u><u>(71.768.028.628)</u></u>	<u><u>128.731.971.372</u></u>

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc phát hành thêm 3.000.000 cổ phần ưu đãi cố tức (cổ tức được nhận gấp 1,5 lần so với cổ phần phổ thông trong 3 kỳ chia cổ tức liên tiếp kể từ khi bắt đầu chia cổ tức, hết thời hạn này cổ phần ưu đãi cố tức sẽ tự động chuyển thành cổ phần phổ thông) với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần, nhằm mục đích tăng vốn cổ phần. Công ty đã thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành cổ phần để tăng vốn cổ phần và nhận được chấp thuận từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Công văn số 4655/UBCK-QLPH ngày 15 tháng 8 năm 2014.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>		<u>31/12/2013</u>	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	135.974.870.000	68,0%	105.974.870.000	62,3%
Công ty TNHH Tân Long	10.000.000.000	5,0%	10.000.000.000	5,9%
Các cổ đông khác	54.025.130.000	27,0%	54.025.130.000	31,8%
	<u><u>200.000.000.000</u></u>	<u><u>100%</u></u>	<u><u>170.000.000.000</u></u>	<u><u>100%</u></u>

**16. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển; Bộ phận kinh doanh thương mại; Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển - kinh doanh vận tải bằng tàu  
 Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng xăng dầu và hàng hóa khác  
 Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý - kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển  
 Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác - kinh doanh từ cấp dầu, chuyển tải, cảng phí,...  
 Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31/12/2014	Dịch vụ vận chuyển		Dịch vụ đại lý		Hoạt động khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND		
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	368.944.165.583	3.596.376.542	1.718.216.303	2.330.368.355	376.589.126.783	
Tài sản không phân bổ					128.690.908.480	
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>505.280.035.263</b>	
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	353.628.419.984	3.494.393.630	8.870.312.581	148.766.299	366.141.892.494	
Nợ phải trả không phân bổ					10.406.171.397	
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>376.548.063.891</b>	

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

2014	Dịch vụ vận chuyển		Dịch vụ đại lý		Hoạt động khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND		
<b>Doanh thu</b>						
Doanh thu thuần ra bên ngoài	165.838.016.521	511.225.768.280	4.725.423.471	17.133.196.694	698.922.404.966	
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>165.838.016.521</b>	<b>511.225.768.280</b>	<b>4.725.423.471</b>	<b>17.133.196.694</b>	<b>698.922.404.966</b>	
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Lợi nhuận/(lỗ) gộp	45.506.710.337	857.277.085	614.407.832	(26.896.043)	46.951.499.211	
Chi phí không phân bổ					(18.043.356.221)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					28.908.142.990	
Doanh thu hoạt động tài chính					2.332.773.201	
Lợi nhuận khác					4.434.960.357	
Chi phí tài chính					(13.422.919.001)	
Lợi nhuận trước thuế					22.252.957.547	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					-	
<b>Lợi nhuận trong năm</b>					<b>22.252.957.547</b>	
<b>Thông tin khác</b>						
Khấu hao					21.411.033.349	

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31/12/2013	Dịch vụ vận chuyển		Dịch vụ đại lý		Hoạt động khác	Tổng
	VND	Thương mại VND	VND	Hoạt động khác VND		
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	391.832.938.380	39.215.435.476	3.550.437.182	2.738.652.541	437.337.463.579	
Tài sản không phân bổ					69.797.612.724	
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>507.135.076.303</b>	
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	370.422.950.400	26.550.062.222	12.765.541.176	4.705.794.945	414.444.348.743	
Nợ phải trả không phân bổ					15.205.840.314	
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>429.650.189.057</b>	

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

2013	Dịch vụ vận chuyển		Dịch vụ đại lý		Hoạt động khác	Tổng
	VND	Thương mại VND	VND	Hoạt động khác VND		
<b>Doanh thu</b>						
Doanh thu thuần ra bên ngoài	175.660.370.814	436.134.701.317	3.183.401.745	10.193.964.881	625.172.438.757	
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>175.660.370.814</b>	<b>436.134.701.317</b>	<b>3.183.401.745</b>	<b>10.193.964.881</b>	<b>625.172.438.757</b>	
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Lợi nhuận gộp	39.923.690.488	1.717.543.429	674.858.544	186.212.400	42.502.304.861	
Chi phí không phân bổ					(18.423.594.161)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					24.078.710.700	
Doanh thu hoạt động tài chính					1.812.671.963	
Lợi nhuận khác					3.267.434.660	
Chi phí tài chính					(15.921.348.900)	
Lợi nhuận trước thuế					13.237.468.423	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					-	
Lợi nhuận trong năm					<b>13.237.468.423</b>	
<b>Thông tin khác</b>						
Khấu hao					21.438.903.048	

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại Hải Phòng. Tuy nhiên, chủ yếu doanh thu phát sinh, kết quả kinh doanh, tài sản chủ yếu phát sinh tại trụ sở chính. Doanh thu của trụ sở chính chiếm 98% tổng doanh thu năm 2014. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thương mại	511.225.768.280	436.134.701.317
Doanh thu vận chuyển xăng dầu - tàu công ty	165.838.016.521	174.546.966.850
Doanh thu đại lý tàu biển	4.725.423.471	3.183.401.745
Doanh thu vận chuyển xăng dầu - tàu thuê ngoài	-	1.113.403.964
Doanh thu hoạt động khác	17.133.196.694	10.193.964.881
	<u><b>698.922.404.966</b></u>	<u><b>625.172.438.757</b></u>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn thương mại	510.368.491.195	434.417.157.888
Giá vốn vận chuyển xăng dầu - tàu công ty	120.331.306.184	134.135.609.936
Giá vốn đại lý tàu biển	4.111.015.639	2.508.543.201
Giá vốn vận chuyển xăng dầu - tàu thuê ngoài	-	1.601.070.390
Giá vốn hoạt động khác	17.160.092.737	10.007.752.481
	<u><b>651.970.905.755</b></u>	<u><b>582.670.133.896</b></u>

**19. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.969.481.268	29.852.967.750
Chi phí nhân công	24.871.429.339	28.645.315.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.411.033.349	21.438.903.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.164.361.750	60.334.932.340
Chi phí khác bằng tiền	59.229.465.075	26.404.451.208
	<u><b>159.645.770.781</b></u>	<u><b>166.676.570.169</b></u>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	1.634.199.164	1.353.209.337
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	698.574.037	459.462.626
	<u><b>2.332.773.201</b></u>	<u><b>1.812.671.963</b></u>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	9.145.428.210	11.170.948.712
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	200.817.356	104.436.991
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.076.673.435	4.645.963.197
	<u><b>13.422.919.001</b></u>	<u><b>15.921.348.900</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. THU NHẬP KHÁC**

Thu nhập khác chủ yếu bao gồm thu nhập từ tiền bồi thường bảo hiểm, thu tiền phạt lưu tàu, xử lý chênh lệch công nợ.

**23. CHI PHÍ KHÁC**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí hao hụt xăng dầu	-	565.139.575
Chi phí khác (*)	422.676.868	1.059.919.514
	<u><b>422.676.868</b></u>	<u><b>1.625.059.089</b></u>

(\*) Chi phí khác liên quan đến xử lý công nợ không thể thu hồi được...

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>22.252.957.547</b>	<b>13.237.468.423</b>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	107.646.379	1.529.771.271
Trừ: Thu nhập không tính thuế	(496.020.553)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>21.864.583.373</b>	<b>14.767.239.694</b>
Lỗi lũy kế mang sang	(21.864.583.373)	(14.767.239.694)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u><b>-</b></u>	<u><b>-</b></u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2013: 25%). Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế vì Công ty sử dụng lỗ của các năm trước chuyển sang.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản lỗ chưa sử dụng là 67.590.121.662 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 89.454.705.035 đồng) có thể được khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Các khoản lỗ chưa sử dụng này chưa được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này do Công ty không chắc chắn thu được lợi nhuận trong tương lai để khấu trừ.

Các khoản lỗ sẽ được phép chuyển trong vòng năm năm kể từ năm phát sinh và sẽ hết hạn chuyển theo lịch biểu sau:

Năm	<u>Các khoản lỗ tính thuế</u>
	<u>VND</u>
2015	22.103.659.513
2017	45.486.462.149
	<u><b>67.590.121.662</b></u>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khác vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	22.252.957.547	13.237.468.423
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	<u>18.142.466</u>	<u>15.569.863</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b><u><u>1.227</u></u></b>	<b><u><u>850</u></u></b>

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>2.146.608.000</u>	<u>2.262.784.032</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.149.804.000	1.226.304.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>-</u>	<u>229.500.000</u>
	<b><u><u>1.149.804.000</u></u></b>	<b><u><u>1.455.804.000</u></u></b>

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê 332 m<sup>2</sup> tại P.801 và P.806, tầng 8, tòa nhà Citylight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	319.390.475.000	357.153.543.750
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	117.909.373.563	57.427.131.239
Nợ thuần	201.481.101.437	299.726.412.511
Vốn chủ sở hữu	<u>128.731.971.372</u>	<u>77.484.887.246</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<b><u><u>1,57</u></u></b>	<b><u><u>3,87</u></u></b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.909.373.563	57.427.131.239
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.987.004.948	46.176.409.873
Các khoản ký quỹ	376.572.000	376.572.000
	<b><u>126.272.950.511</u></b>	<b><u>103.980.113.112</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	319.390.475.000	357.153.543.750
Phải trả người bán và phải trả khác	33.219.420.096	48.085.594.523
Chi phí phải trả	6.186.121.356	6.323.116.775
	<b><u>358.796.016.452</u></b>	<b><u>411.562.255.048</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Tài sản</b>		<b>Công nợ</b>	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	42.408.227.377	37.985.942.150	337.278.184.770	379.531.405.526
Yên Nhật (JPY)	-	-	22.250.000	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng với số tiền là 8.846.098.722 đồng (năm 2013: 10.246.363.901 đồng). Dựa trên sự phân tích tương tự cho Đồng Yên Nhật, thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

#### *Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2014 sẽ giảm/tăng với số tiền là 6.387.809.500 đồng (năm 2013: 7.143.070.875 đồng).

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ một số khách hàng.

#### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

<b>31/12/2014</b>	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.909.373.563	-	-	117.909.373.563
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.987.004.948	-	-	7.987.004.948
Các khoản ký quỹ	21.000.000	355.572.000	-	376.572.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>125.917.378.511</b>	<b>355.572.000</b>	-	<b>126.272.950.511</b>
Các khoản vay	43.829.000.000	227.403.025.000	48.158.450.000	319.390.475.000
Phải trả người bán và phải trả khác	33.219.420.096	-	-	33.219.420.096
Chi phí phải trả	6.186.121.356	-	-	6.186.121.356
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.234.541.452</b>	<b>227.403.025.000</b>	<b>48.158.450.000</b>	<b>358.796.016.452</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>42.682.837.059</b>	<b>(227.047.453.000)</b>	<b>(48.158.450.000)</b>	<b>(232.523.065.941)</b>
<b>31/12/2013</b>	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.427.131.239	-	-	57.427.131.239
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.176.409.873	-	-	46.176.409.873
Các khoản ký quỹ	21.000.000	355.572.000	-	376.572.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>103.624.541.112</b>	<b>355.572.000</b>	-	<b>103.980.113.112</b>
Các khoản vay	42.170.000.000	214.012.750.000	100.970.793.750	357.153.543.750
Phải trả người bán và phải trả khác	48.085.594.523	-	-	48.085.594.523
Chi phí phải trả	6.323.116.775	-	-	6.323.116.775
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.578.711.298</b>	<b>214.012.750.000</b>	<b>100.970.793.750</b>	<b>411.562.255.048</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>7.045.829.814</b>	<b>(213.657.178.000)</b>	<b>(100.970.793.750)</b>	<b>(307.582.141.936)</b>

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn dựa trên dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí – Công ty Quản lý tàu	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng Công ty mẹ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV – Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV – Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè (PV Oil)	

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu Khí Vidamo	Công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Hồ Chí Minh	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
CN Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty kinh doanh sản phẩm khí	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Bắc Trung Bộ	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014 VND	2013 VND
<b>Doanh thu cước vận chuyển</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	62.846.875.597	63.893.786.761
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	-	6.002.383.700
<b>Doanh thu thương mại</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	13.669.145.992	264.711.597.405
Công ty Cổ Phần Vận tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế	15.187.320.310	-
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	171.728.299.493	264.711.597.405
<b>Doanh thu khác</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	14.327.521.166	6.324.267.622
<b>Doanh thu đại lý</b>		
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	282.971.342	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	-	73.844.633

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
<b>Mua hàng hóa/dịch vụ trong năm</b>		
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	6.791.222.151	6.133.328.052
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	-	1.836.058.804
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL	-	609.898.855
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Hồ Chí Minh	57.990.270	86.678.100
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu Khí Quảng Ngãi PTSC	33.766.282	34.532.837
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	-	25.835.032.663
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Bắc Trung Bộ	-	5.590.909
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	676.854.338	12.600.000
Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn	-	3.877.939.793
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	-	946.620.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	306.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	61.730.143	633.141.795
	<u><u>                    </u></u>	<u><u>                    </u></u>
<b>Phát sinh khác trong năm (chi phí xăng dầu hao hụt)</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	882.604.780	5.044.061.912
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	-	3.194.637
	<u><u>                    </u></u>	<u><u>                    </u></u>
<b>Các khoản vay</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)		
- Gốc vay đã thanh toán	42.170.000.000	43.296.800.000
- Lãi vay đã trả	9.514.196.873	17.317.866.225
	<u><u>                    </u></u>	<u><u>                    </u></u>
<b>Nhận vốn góp</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	30.000.000.000	30.000.000.000
	<u><u>                    </u></u>	<u><u>                    </u></u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Lương, thưởng	2.072.612.038	2.104.855.750
	<u><u>                    </u></u>	<u><u>                    </u></u>

